

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/4/2024.

“V/v: Ly hôn giữa chị P và anh A”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê là Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 04/4/2024, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2024 về tranh chấp: “**Kiến xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đức A, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị P và anh A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh A sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2009; từ đó cho đến nay, anh chị vẫn không đi đăng ký kết hôn (ĐKKH) theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P trình bày là do anh chị không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, trong cách sống của mỗi người nên cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nên chị **P** đã khởi kiện xin được ly hôn với anh **A**.

Anh **Hoàng Đức A** đồng ý với mâu thuẫn vợ chồng mà chị **P** đã trình bày. Tuy nhiên, anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng, anh mong muốn đoàn tụ gia đình, nhưng nếu chị **P1** vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

2. Về con chung: Chị **P** và anh **A** có 02 con chung tên **Hoàng Nhật M**, sinh ngày 01/5/2009 và **Hoàng Khánh L**, sinh ngày 27/4/2015. Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu **M** cho chị **P1** và giao cháu **L** cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

3. Về tài sản chung: Chị **P** và anh **A** tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **P** và anh **A** không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 02 Giấy khai sinh mang tên **Hoàng Nhật M** và **Hoàng Khánh L** (đều là bản sao), 01 Căn cước công dân mang tên **Nguyễn Thị P** (bản photo).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị **P** và anh **A** có 02 con chung là **Hoàng Nhật M** và **Hoàng Khánh L**, điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị **P** giao nộp là 02 Giấy khai sinh mang tên **Hoàng Nhật M** và **Hoàng Khánh L** (đều là bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **P** và anh **A** tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2009, từ đó cho đến nay anh chị không đi ĐKKH theo quy định của pháp luật là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình (HN&GD) năm 2014. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích khiến cho cuộc sống ngày càng căng thẳng và không hạnh phúc. Vì vậy, chị **P** đã khởi kiện và anh **A** cũng đồng ý với yêu cầu của chị **P**, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau. Do chị **P** và anh **A** chung sống với nhau nhưng không có ĐKKH đó nên cần căn cứ vào quy định tại Điều 9 của Luật HN&GD năm 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị **P** và anh **A** là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị **P** và anh **A** có 02 con chung tên **Hoàng Nhật M**, sinh ngày 01/5/2009 và **Hoàng Khánh L**, sinh ngày 27/4/2015. Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu **M** cho chị **P1** và giao cháu **L** cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do mỗi người nuôi một cháu nên

không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào. Xét thỏa thuận này là tự nguyện và đúng pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được HĐXX công nhận.

3. Về tài sản chung: Chị **P** và anh **A** tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị **P** và anh **A** không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

5. Về án phí LH-ST: Chị **P** phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9 của Luật HN&GD năm 2014; điểm b mục 3 của Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị **Nguyễn Thị P** và anh **Hoàng Đức A** là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị **Nguyễn Thị P** và anh **Hoàng Đức A**, giao cháu **Hoàng Nhật M**, sinh ngày 01/5/2009 cho chị **P** và giao cháu **Hoàng Khánh L**, sinh ngày 27/4/2015 cho anh **A** trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị **P** và anh **A** mỗi người nuôi một con chung nên anh chị không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chi **P** phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chi đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002063 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chi **P** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Kbang;
- Chi cục THADS Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn N

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

